Danh sách điểm của các đơn vị thuộc Cụm Thành phố Hồ Chí Minh

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	=(12)*2+(11)+(13)+(16)	
I	Cục Thanh tra giám sát ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (02 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ, 01 chỉ tiêu kỹ sư CNTT)																	
1	5003	Cao Trường	Giang	25/10/1993		Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Giỏi		69	55	88	68	91	0	267	Trúng tuyển
2	5012	Nguyễn Ngọc	Sơn	10/04/1992		Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế - Luật TP.HCM	Khá		53	51	84	80	94	0	239	Trúng tuyển
3	5005	Từ Thị	Hạnh		16/01/1989	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Giỏi	x	58	46	84	80	Miễn	0	234	
4	5001	Nguyễn Thị Hạnh	Dung		19/07/1988	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Khá	x	42	57	72	80	Miễn	0	228	
5	5007	Trần Quốc	Khánh	31/08/1985		Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Khá	x	12	63	68	72	Miễn	0	206	
6	5013	Trần Hồng	Sơn	05/12/1990		Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngoại Thương	Khá		51	42	68	76	86	0	203	
7	5002	Võ Khánh	Dương	16/07/1992		Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học CNTT Gia Định	Giỏi		31,5	51	68	76	91	0	201,5	
8	5006	Trần Thị Phúc	Hậu		14/03/1991	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Giỏi		34	43	72	80	93	0	192	
9	5011	Bùi Minh	Quyết	04/01/1990		Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		54	21	80	64	94	0	176	
10	5009	Nguyễn Hoàng	Ngân		02/01/1995	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Khá		15	36	56	76	92	0	143	
11	5004	Hoàng Hữu	Hải	02/10/1990		Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Lạc Hồng	Khá									Không dự thi
12	5008	Huỳnh Thanh	Nam	01/12/1992		Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Khá									Không dự thi
13	5010	Đào Yến	Phương		16/10/1989	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Giỏi	x								Không dự thi
14	5014	Văn Thị	Vân		22/02/1989	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP.HCM	Khá									Không dự thi

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	=(12)*2+(11)+(13)+(16)	
15	5015	Nguyễn Thị Hải	Vân		08/07/1989	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP.HCM	Giỏi									Không dự thi
16	5016	Đinh Thị Huyền	Vy		24/05/1993	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Greenwich	Danh dự hạng 2									Không dự thi
17	5017	Lê Thị	Yến		25/11/1989	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP.HCM	Khá	x								Không dự thi
1	5018	Phạm Thị Ánh	Tuyết		28/10/1991	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	Kỹ sư CNTT	Đại học Cần Thơ	Giỏi		50	52,5	52	Miễn	75	0	207	Trúng tuyển
II	Chi cục Phát hành và Kho quỹ (02 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ, 02 chỉ tiêu CV Kế toán Kiểm toán)																	
1	5020	Nguyễn Thị Thanh	Thảo		25/01/1994	Chi cục PH&KQ	CV Nghiệp vụ	Đại học Mở TP.HCM	Giỏi		42,5	41	32	80	96	0	156,5	
2	5019	Nguyễn Thị Thanh	Bình		13/05/1995	Chi cục PH&KQ	CV Nghiệp vụ	Đại học Sài Gòn	Khá		28	30	52	76	90	0	140	
1	5022	Thân Huỳnh Kim	Thủy		11/03/1988	Chi cục PH&KQ	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Kinh tế TP.HCM	Khá	x	39,5	84	76	68	91,5	0	283,5	
2	5021	Đoàn Lệ	Hằng		03/12/1989	Chi cục PH&KQ	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Mở TP.HCM	Khá		50	36	68	88	89,5	0	190	
3	5023	Trần Thị Thu	Trinh		21/01/1991	Chi cục PH&KQ	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Khá									Không dự thi
4	5024	Vương Thiệu	Vy		25/12/1990	Chi cục PH&KQ	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Cần Thơ	Xuất sắc									Không dự thi
III	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (02 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ, 01 chỉ tiêu CV Kế toán Kiểm toán, 01 chỉ tiêu Kỹ sư CNTT)																	
1	5033	Trần Hải	Yến		20/11/1993	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán	Học viện Tài chính	Giỏi		83	79	72	80	88	20	333	Trúng tuyển
2	5032	Nguyễn Thị	Trang		06/03/1991	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Giỏi		61	70	64	76	84	0	265	
3	5030	Nguyễn Thanh Trà	My		04/02/1992	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Khá		51	52	56	76	87	0	211	
4	5027	Cao Ngọc	Đức	07/04/1994		NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Kinh tế TP.HCM	Khá		26	52	76	84	69	0	206	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	=(12)*2+(11)+(13)+(16)	
5	5025	Đinh Thị Tú	Anh		14/08/1992	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Duy Tân	Khá		33	60	44	60	Miễn	0	197	
6	5031	Ngô Lan	Phương		13/10/1990	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán	ĐH BOLTON - ĐHNH TP. HCM	Khá		26	33	92	88	Miễn	0	184	
7	5026	Đoàn Thị Tú	Anh		20/02/1991	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Khá									Không dự thi
8	5028	Đặng Thị	Hằng		15/01/1990	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán	ĐH Tài chính - Marketing	Khá									Không dự thi
9	5029	Phạm Diệu	Linh		07/11/1992	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Khá									Không dự thi
1	5036	Võ Thị Quỳnh	Giang		12/12/1985	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Khá		87	80	80	52	86	0	327	Trúng tuyển
2	5034	Hà Tuấn	Anh	02/05/1993		NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học KD&CN Hà Nội	Khá		63,5	56	80	68	92	0	255,5	Trúng tuyển
3	5056	Bùi Thị Việt	Trinh		20/02/1992	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP.HCM	Giỏi		55,5	43	84	56	96	0	225,5	
4	5037	Huỳnh Thị Xuân	Hồng		24/12/1986	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Khá	x	41,5	54	64	76	85	0	213,5	
5	5047	Võ Thị Hồng	Phước		29/03/1993	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế - Luật TP.HCM	Giỏi		55,5	43	64	80	90	0	205,5	
6	5051	Nguyễn Trương Thanh	Thảo		20/10/1991	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Tôn Đức Thắng	Khá		62,25	39,5	60	80	Miễn	0	201,25	
7	5040	Phan Thị Mỹ	Loan		20/02/1990	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngoại Thương	Giỏi		42	47	60	64	90	0	196	
8	5046	Nguyễn Thanh	Phong	01/01/1993		NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Khá		51,5	32	80	80	78	0	195,5	
9	5042	Nguyễn Thị Huỳnh	Mi		27/09/1989	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP.HCM	Khá	x	35	44	64	76	78	0	187	
10	5041	Hoàng Đức	Mạnh	02/02/1993		NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP.HCM	Khá		23	34	80	88	89	0	171	
11	5048	Phạm Thị Thúy	Quyên		28/8/1991	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Mở TP.HCM	Khá		34,5	37	52	68	79	0	160,5	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	=(12)*2+(11)+(13)+(16)	
12	5044	Nguyễn Thị Hồng	Nguyên		26/06/1986	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Khá	x	31	34	48	56	88	0	**147**	
13	5050	Lại Ngọc Bảo	Toàn	08/02/1993		NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Công nghệ TP.HCM	Khá		12	34	56	72	83	0	**136**	
14	5055	Lê Thủy	Thương		25/12/1994	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Mở TP.HCM	Khá		22,5	23,5	52	60	94	0	**121,5**	
15	5045	Trịnh Thị Bích	Nhung		15/04/1989	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Tôn Đức Thắng	Khá		40,5	0	76	64	96	0	**116,5**	
16	5043	Trần Ngọc Huyền	Mi		02/08/1994	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Sài Gòn	Khá		23	12	68	80	89	0	**115**	
17	5039	Nguyễn Ngọc Phương	Linh		20/05/1993	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP.HCM	Khá		24	0	68	68	91	0	**92**	
18	5035	Nguyễn Thị Kim	Dung		07/07/1992	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Giỏi									Không dự thi
19	5038	Trần Thị Xuân	Hương		20/02/1991	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP.HCM	Khá									Không dự thi
20	5049	Nguyễn Mỹ	Tiên		19/12/1988	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP.HCM	Khá									Không dự thi
21	5052	Hồ Phương	Thảo		04/11/1992	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Khá									Không dự thi
22	5053	Nguyễn Minh	Thông	17/09/1991		NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP.HCM	Khá	x								Không dự thi
23	5054	Nguyễn Thị Diệu	Thủy		24/09/1995	NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP.HCM	Giỏi									Không dự thi
24	5057	Phạm Hoàng	Việt	16/11/1994		NHNN TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ	Đại học Công nghệ TP.HCM	Khá									Không dự thi
1	5061	Nguyễn Phạm Vạn	Quyền	17/12/1988		NHNN TP. Hồ Chí Minh	Kỹ sư CNTT	Đại học Greenwich	TB Khá		67	76,5	52	Miễn	Miễn	0	**272**	Trúng tuyển
2	5060	Lê Đức	Mạnh	24/06/1993		NHNN TP. Hồ Chí Minh	Kỹ sư CNTT	Đại học Khoa học tự nhiên - ĐHQG TP.HCM	Khá		70	50,5	56	Miễn	83	0	**227**	
3	5059	Bùi Quang	Đạt	31/03/1988		NHNN TP. Hồ Chí Minh	Kỹ sư CNTT	Đại học sư phạm TP.HCM	Khá	x	54	38,5	52	Miễn	87	0	**183**	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	=(12)*2+(11)+(13)+(16)	
4	5058	Trần Hữu	Nam	15/11/1987		NHNN TP. Hồ Chí Minh	Kỹ sư CNTT	Đại học Khoa học tự nhiên - ĐHQG TP.HCM	TB Khá									Không dự thi
IV	NHNN Chi nhánh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (01 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ)																	
1	5063	Tô Yến	Nga		14/04/1987	NHNN Bà Rịa - Vũng Tàu	CV Nghiệp vụ	Đại học Tôn Đức Thắng	Khá	x	75,5	71,5	84	84	Miễn	0	**302,5**	Trúng tuyển
2	5062	Lê Ngân	Hà		3/11/1993	NHNN Bà Rịa - Vũng Tàu	CV Nghiệp vụ	Đại học RMIT	Khá		44,5	44	64	72	Miễn	0	**196,5**	
3	5064	Phạm Thị Tố	Tâm		6/10/1990	NHNN Bà Rịa - Vũng Tàu	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế Tp. HCM	Khá									Không dự thi
V	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương (03 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ, 01 chỉ tiêu CV Kế toán, Kiểm toán)																	
1	5077	Chế Huyền	Nhung		11/3/1991	NHNN Bình Dương	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TPHCM	Khá		54	63,5	88	76	86	0	**269**	Trúng tuyển
2	5078	Trần Phạm Tuyết	Phượng		10/12/1988	NHNN Bình Dương	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TPHCM	Khá		66	61,5	64	64	81,5	0	**253**	Trúng tuyển
3	5076	Phan Trọng	Nhân	16/2/1989		NHNN Bình Dương	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TPHCM	Khá		58,25	50,5	72	84	82	10	**241,25**	Trúng tuyển
4	5074	Đinh Ngọc	Mai		9/12/1989	NHNN Bình Dương	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TPHCM	Khá		53	58,5	68	76	86	0	**238**	
5	5075	Lê Thị	Nghĩa		2/10/1990	NHNN Bình Dương	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TPHCM	Khá		50	42	72	64	86	0	**206**	
6	5065	Phạm Thị Nguyên	Anh		25/10/1991	NHNN Bình Dương	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TPHCM	Khá		36,5	35	76	80	94	20	**202,5**	
7	5068	Đỗ Quang	Đức	14/01/1993		NHNN Bình Dương	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TPHCM	Khá		18,5	44	72	88	96	0	**178,5**	
8	5069	Nguyễn Minh	Hoàng	3/28/1987		NHNN Bình Dương	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TPHCM	Khá		24,75	30,5	64	0	88	10	**159,75**	
9	5070	Nguyễn Thị Thu	Hương		27/8/1989	NHNN Bình Dương	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TPHCM	Giỏi	x	20,5	36	56	64	85	0	**148,5**	
10	5071	Trần Thị Anh	Lam		3/1/1992	NHNN Bình Dương	CV Nghiệp vụ	Đại học Công Nghiệp TPHCM	Khá		20,75	29,5	64	52	78	0	**143,75**	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	=(12)*2+(11)+(13)+(16)	
11	5067	Trần Võ Tùng	Dương	12/6/1991		NHNN Bình Dương	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương	Khá		14,5	32,5	64	64	62	0	**143,5**	
12	5066	Hồ Ngọc Phương	Dung		21/9/1995	NHNN Bình Dương	CV Nghiệp vụ	Đại học Công Nghiệp TPHCM	Khá		25	0	0	0	0	0	**25**	
13	5072	Lê Thị Thảo	Lưu		4/1/1992	NHNN Bình Dương	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TPHCM	Khá									Không dự thi
14	5073	Trịnh Thị	Mai		21/8/1994	NHNN Bình Dương	CV Nghiệp vụ	Đại học Quy Nhơn	Khá									Không dự thi
15	5079	Nguyễn Phúc	Thành	1/31/1994		NHNN Bình Dương	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế - Luật -ĐH QG TPHCM	Khá									Không dự thi
16	5080	Đặng Thị Hoài	Thương		30/7/1994	NHNN Bình Dương	CV Nghiệp vụ	Đại học Thủ Dầu Một	Khá									Không dự thi
1	5087	Nguyễn Thị	Vân		16/1/1989	NHNN Bình Dương	CV Kế toán, Kiểm toán	Học Viện Ngân hàng	Khá		32,5	60	64	56	78	20	**236,5**	
2	5082	Nguyễn Bão	Hoài		29/7/1991	NHNN Bình Dương	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Ngân hàng TPHCM	Khá		43,5	50	84	88	98	0	**227,5**	
3	5081	Mai Thị Nguyệt	Hằng		27/10/1993	NHNN Bình Dương	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Bình Dương	Giỏi		40	34	52	64	85	0	**160**	
4	5085	Trần Phương	Thảo		24/7/1992	NHNN Bình Dương	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Công Nghệ TPHCM	Khá		25	23	72	64	79,5	0	**143**	
5	5086	Nguyễn Thị Thu	Thảo		6/11/1992	NHNN Bình Dương	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Kinh tế TPHCM	Khá		15	23	64	60	78	0	**125**	
6	5083	Nguyễn Thị Cẩm	Ngọc		7/7/1987	NHNN Bình Dương	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Kinh tế TPHCM	Khá	x								Không dự thi
7	5084	Nguyễn Mạnh	Phi	23/10/1992		NHNN Bình Dương	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Sư phạm Kỹ Thuật	Khá	x								Không dự thi
VI	**NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang (05 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ)**																	
1	5105	Huỳnh Thị Hồng	Thắm		04/11/1992	NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	Khá		52	67	80	76	82	0	**266**	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	=(12)*2+(11) +(13)+(16)	
2	5100	Tạ Thị Trúc	Nhi		06/12/1986	NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Khá	x	63,5	66	68	68	80,5	0	**263,5**	Trúng tuyển
3	5108	Nguyễn Thị Thúy	Trang		08/04/1990	NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngoại Thương	Khá		65,5	60	76	68	84	0	**261,5**	Trúng tuyển
4	5106	Nguyễn Thị Lệ	Thu		08/12/1985	NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	Khá	x	58	52	76	68	86	0	**238**	Trúng tuyển
5	5091	Phạm Phương	Duyên		14/9/1990	NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP HCM	Khá		50	50,5	72	64	94	0	**223**	Trúng tuyển
6	5103	Quách Minh	Tâm	28/6/1993		NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An	Giỏi		52,25	51	64	80	80	0	**218,25**	
7	5092	Nguyễn Tấn	Đạt	30/6/1974		NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	Khá	x	66,5	46	56	Miễn	Miễn	0	**214,5**	
8	5088	Nguyễn Thị Thúy	An		31/5/1987	NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá		70,25	43,5	52	72	79	0	**209,25**	
9	5102	Mai Huỳnh Thanh	Phương	10/08/1987		NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	Khá		58,25	38	56	52	83	0	**190,25**	
10	5110	Ngô Thị Thúy	Vy		05/02/1995	NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Cửu Long	Khá		35,75	45	52	72	74	0	**177,75**	
11	5097	Huỳnh Ngọc	Huyền		20/11/1990	NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Giỏi		60,75	28	48	60	78	0	**164,75**	
12	5093	Bùi Vũ Tiến	Đạt	10/10/1995		NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	Khá		12,75	29	80	88	92	0	**150,75**	
13	5094	Thái Trần Tuấn	Đạt	08/10/1992		NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP HCM	Khá		20,5	17,5	64	88	90	0	**119,5**	
14	5089	Trần Minh	Cường	11/20/1988		NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	Khá									Không dự thi
15	5090	Nguyễn Văn	Chí	20/4/1990		NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	Khá									Không dự thi

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	=(12)*2+(11)+(13)+(16)	
16	5095	Lý Hải	Đăng	25/06/1994		NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Khá									Không dự thi
17	5096	Nguyễn Minh	Huy	05/02/1989		NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Tây Đô	Khá									Không dự thi
18	5098	Võ Huỳnh Bá	Lộc	22/7/1991		NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Khá									Không dự thi
19	5099	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn		13/03/1987	NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Khá									Không dự thi
20	5101	Lương Huỳnh	Phúc	19/02/1991		NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Trà Vinh	Khá									Không dự thi
21	5104	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết		25/4/1985	NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Khá	x								Không dự thi
22	5107	Nguyễn Ngọc Minh	Thư		03/10/1993	NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Giỏi									Không dự thi
23	5109	Nguyễn Thị Ngọc	Trân		30/05/1994	NHNN Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	Khá									Không dự thi
VII	NHNN Chi nhánh tỉnh Long An (03 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ)																	
1	5115	Huỳnh Đăng	Khoa	8/9/1988		NHNN Long An	CV Nghiệp vụ	Đại học Lạc Hồng	Khá		54,25	59	76	88	92	0	**248,25**	Trúng tuyển
2	5122	Trần Minh	Thư		7/1/1991	NHNN Long An	CV Nghiệp vụ	Đại học Mở TPHCM	Giỏi		50	63	72	80	82	0	**248**	Trúng tuyển
3	5123	Nguyễn Thị Thùy	Trang		5/2/1990	NHNN Long An	CV Nghiệp vụ	Đại học Hùng Vương TPHCM	Khá		50,25	59	72	64	80	0	**240,25**	Trúng tuyển
4	5112	Trương Thị Ngọc	Bích		25/5/1986	NHNN Long An	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP HCM	Khá	x	53	43	56	68	82	0	**195**	
5	5113	Hồ Kim	Châu		22/2/1994	NHNN Long An	CV Nghiệp vụ	Đại học Hoa Sen	Khá		52,5	36	56	76	88	0	**180,5**	
6	5118	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung		24/6/1988	NHNN Long An	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá		41,5	39	56	56	73	0	**175,5**	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	=(12)*2+(11)+(13)+(16)	
7	5114	Uông Trường	Khánh	12/4/1993		NHNN Long An	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	Khá		58,5	25	40	80	67	0	**148,5**	
8	5111	Nguyễn Thị Tuyết	Anh		1/8/1992	NHNN Long An	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TPHCM	Khá		18,5	16	76	72	95	0	**126,5**	
9	5124	Nguyễn Thị Phương	Trinh		1/6/1994	NHNN Long An	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	Giỏi		40	15	52	64	77,5	0	**122**	
10	5117	Nguyễn Phạm Thảo	Nguyên		10/3/1992	NHNN Long An	CV Nghiệp vụ	Đại học Công nghiệp TPCM	Khá		18,75	17	56	76	96	0	**108,75**	
11	5116	Trần Hồng	Ngọc		25/12/1987	NHNN Long An	CV Nghiệp vụ	Đại học Công nghiệp TPCM	Khá									Không dự thi
12	5119	Lê Hải	Phú	1/1/1993		NHNN Long An	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngoại thương	Xuất sắc									Không dự thi
13	5120	Trần Thị Ngọc	Phương		8/1/1986	NHNN Long An	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TPHCM	Giỏi									Không dự thi
14	5121	Huỳnh Thị Mai	Thanh		26/8/1989	NHNN Long An	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	Giỏi									Không dự thi
15	5125	Trần Văn	Trung	1/5/1988		NHNN Long An	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Khá									Không dự thi
16	5126	Phạm Thị Thùy	Vân		16/9/1994	NHNN Long An	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	Giỏi									Không dự thi
VIII	NHNN Chi nhánh tỉnh Tây Ninh (04 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ)																	
1	5128	Trần Thị Minh	Loan		10/28/1991	NHNN Tây Ninh	CV Nghiệp vụ	Đại học kinh tế - Luật	Khá		50,75	68	56	72	82	0	**242,75**	Trúng tuyển
2	5129	Nguyễn Thị Thủy	Tiên		2/22/1988	NHNN Tây Ninh	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Khá		38,25	51	76	72	79	0	**216,25**	
3	5130	Lê Hoàng Anh	Thư		7/30/1993	NHNN Tây Ninh	CV Nghiệp vụ	Đại học Tài chính - Marketing	Giỏi		71,25	42	60	92	86	0	**215,25**	
4	5127	Nguyễn Phú Khánh	Duy	5/18/1993		NHNN Tây Ninh	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM	Khá									Không dự thi